

BẢNG THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ghi chú: Giải trình sửa đổi, bổ sung thể hiện tại các footnote cuối trang

Nội dung Quy chế trước khi điều chỉnh	Nội dung Quy chế sau khi điều chỉnh
<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>e. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>f. "Đại hội đồng Cổ đông" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.</p> <p>h. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>i. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.</p> <p>j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>k. "Ban điều hành" bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>e. Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <i>khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán</i>.</p> <p>f. "Đại hội đồng Cổ đông" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <i>khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</i> .</p> <p>h. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>i. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.</p> <p>j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>k. "Ban điều hành" bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>

<p>l. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>m. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.</p>	<p>l. "Luật doanh nghiệp" là <i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</i></p> <p>m. "Luật chứng khoán" là <i>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</i></p>
<p>Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>2. Công ty chuẩn bị một danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn ba mươi (30) ngày trước ngày gửi thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>2. Công ty chuẩn bị một danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá <i>mười (10) ngày¹</i> trước ngày gửi thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 6. Quyền của các cổ đông trong việc kiến nghị nội dung, chương trình họp</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p>	<p>Điều 6. Quyền của các cổ đông trong việc kiến nghị nội dung, chương trình họp</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại <i>Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ²</i> có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p> <p>3. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau đây:</p>

¹ Cập nhật theo Khoản 1 Điều 141 Luật DN

² Cập nhật theo Điều lệ Công ty mới

<p>3. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;</p>	<p>a. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không đủ điều kiện theo quy định tại <i>Khoản 2 Điều 12 Điều lệ</i>;</p>
<p>Điều 8. Cách thức biểu quyết</p> <p>...</p> <p>3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên Thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” cho từng nội dung trong chương trình họp theo tờ trình đại hội, sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Thẻ biểu quyết (đã được phát khi đăng ký).</p>	<p>Điều 8. Cách thức biểu quyết</p> <p>....</p> <p>3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên Thẻ biểu quyết (<i>đã được phát khi đăng ký</i>) theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” cho từng nội dung trong chương trình họp theo tờ trình đại hội.³</p>
<p>Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu hợp lệ, trong đó bao gồm số phiếu đồng ý/tán thành, số phiếu không đồng ý/phản đối, số phiếu không có ý kiến và số phiếu không hợp lệ, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết đối với từng vấn đề được các cổ đông biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu bầu của từng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu hợp lệ, trong đó bao gồm số phiếu đồng ý/tán thành, số phiếu không đồng ý/phản đối, số phiếu không có ý kiến và số phiếu không hợp lệ, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết đối với từng vấn đề được các cổ đông biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu bầu của từng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>

³ Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế triển khai tại Đại hội

<p>2. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Ngoài ra, Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>2. Biên bản kiểm phiếu phải được <i>lưu giữ cùng với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định</i>.⁴</p>
<p>Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>	<p>Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <i>khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</i>⁵;</p> <p>2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.⁶</p>
<p>Điều 16. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.</p> <p>2. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là mười hai (12) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ đề cử phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, bao gồm: ...</p>	<p>Điều 16. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.</p> <p>2. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ đề cử phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, bao gồm:....</p>

⁴ Đề xuất thay đổi do việc công bố Biên bản kiểm phiếu chỉ áp dụng cho lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản theo quy định tại Khoản 6 Điều 149 Luật DN

⁵ Cập nhật lại Điều khoản theo LDN

⁶ Cập nhật theo khoản 2 Điều 154 Luật DN

<p>3. Đối với nhóm Cổ đông: danh sách đầy đủ của nhóm Cổ đông đề cử; bằng chứng về việc nắm giữ cổ phần đủ và liên tục 6 tháng; văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ chữ ký của các Cổ đông tham gia đề cử.</p>	<p>3. Đối với nhóm Cổ đông: danh sách đầy đủ của nhóm Cổ đông đề cử; văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ chữ ký của các Cổ đông tham gia đề cử. ⁷</p>
<p>Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mất năng lực hành vi dân sự, chết; - Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; - Có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự. <p>Hội đồng quản trị sẽ ra một thông báo về việc không còn tư cách thành viên đối với thành viên bị mất tư cách.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty; - Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự 	<p>Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mất năng lực hành vi dân sự, chết; - Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; - Có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự. <p>Hội đồng quản trị sẽ ra một thông báo về việc không còn tư cách thành viên đối với thành viên bị mất tư cách.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</i> - Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

⁷ Cập nhật theo Khoản 2, 5 Điều 115 Luật DN: Bỏ quy định sở hữu liên lục 6 tháng đối với cổ đông, nhóm cổ đông

<p>chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; - Thành viên đó vi phạm quy tắc đạo đức theo quy định của Công ty, vi phạm hay không hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật hoặc Điều lệ mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; - Thành viên đó vi phạm quy tắc đạo đức theo quy định của Công ty, vi phạm hay không hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật hoặc Điều lệ mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;</i> - <i>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i>⁸
<p>Điều 27. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ,... trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 27. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.⁹</p>
<p>Điều 30. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	<p>Điều 30. Tiêu chuẩn Thành viên Ban kiểm soát¹⁰</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy</p>

⁸ Cập nhật theo quy định điểm a khoản 2 Điều 160 LDN

⁹ Cập nhật theo Điều 31 Điều lệ

¹⁰ Cập nhật theo Điều 169 Luật DN và đổi tên “Kiểm soát viên” thành “Thành viên Ban kiểm soát”

<ol style="list-style-type: none"> 2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; 3. Không được giữ các chức vụ quản lý tại Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; 4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên; 5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; 6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; 7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. 	<p>định của Luật Doanh nghiệp; Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. <i>Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;</i> 3. <i>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</i> 4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; 5. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; 6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó 7. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i>
<p>Điều 37. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ... 2. Bổ nhiệm <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua. - Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị. - Nhiệm kỳ của các người điều hành doanh nghiệp: 05 năm. 	<p>Điều 37. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ... 2. Bổ nhiệm <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua. - Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.

	<p>- Nhiệm kỳ của các người điều hành doanh nghiệp <i>tối đa là: 05 năm.</i>¹¹</p>
<p>Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng Giám đốc theo Quy chế này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. 3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các Người điều hành khác sau khi tham khảo với Tổng Giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác. 4. Đối với việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho người quản lý theo Khoản 5 Điều 27 của Điều lệ thì: <ol style="list-style-type: none"> (i) Nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị; (ii) Được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký Công ty và; (iii) Đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền. 5. Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc theo Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận. 	<p>Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng Giám đốc theo Quy chế này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. 3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các Người điều hành khác sau khi tham khảo với Tổng Giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.¹²

¹¹ Cập nhật cho phù hợp với thực tiễn tại Công ty

¹² Cập nhật theo Điều 27 Điều lệ công ty: Bỏ khoản 4,5